

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /SGDDĐT-GDTrH

V/v hướng dẫn cấu trúc đề thi tuyển sinh
vào lớp 10 chuyên từ năm học 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở có cấp THCS;

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025 tại văn bản số 1208/SGDDĐT-GDTrH ngày 06/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

Để chuẩn bị cho kì thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên từ năm học 2025 - 2026 đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Sở GDĐT ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên áp dụng từ năm học 2025 - 2026 (*phụ lục gửi kèm*).

Sở GDĐT đề nghị các Phòng GDĐT, các đơn vị trường học chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên hướng dẫn, định hướng học sinh trong quá trình giảng dạy và thông tin đến cha mẹ học sinh cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên tại văn bản này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, liên hệ phòng Giáo dục Trung học qua số điện thoại 02633.820.931 để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó GD ;
- Phòng QLCL-GDTrH;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đức Lợi

Phụ lục
HƯỚNG DẪN CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN
TỪ NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-GDTrH ngày /10/2024 của Sở GDĐT)

A. MÔN TOÁN

I. MÔN TOÁN CHUYÊN

1. Cấu trúc, hình thức, nội dung

1.1. Cấu trúc:

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm).

b) Tự luận: Chiếm 80% tổng điểm (16/20 điểm).

1.2. Hình thức: Tự luận kết hợp trắc nghiệm

1.3. Nội dung:

Nội dung chủ yếu thuộc Chương trình lớp 8 và lớp 9 (*Chương trình GDPT môn Toán ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*). Riêng Chương trình lớp 8 gồm các chủ đề sau:

- Chủ đề Đa thức và phân thức đại số.
- Chủ đề Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất.
- Chủ đề Định lí Thalès và ứng dụng.
- Chủ đề Định lí Pythagore và ứng dụng.
- Chủ đề Các hình khối trong thực tiễn.

2. Thời gian và cấp độ tư duy

2.1. Thời gian: Dự kiến 150 phút.

2.2. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

II. MÔN TOÁN KHÔNG CHUYÊN

1. Cấu trúc, hình thức, nội dung

1.1. Cấu trúc:

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: chiếm 30% tổng điểm (3/10 điểm).

b) Tự luận: Chiếm 70% tổng điểm (7/10 điểm).

1.2. Hình thức: Tự luận kết hợp trắc nghiệm

1.3. Nội dung:

Nội dung chủ yếu thuộc lớp 9 (*Chương trình GDPT môn Toán ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

2. Thời gian và cấp độ tư duy

2.1. Thời gian: Dự kiến 120 phút.

2.2. Cấp độ tư duy: Biết: 50%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 20%.

B. MÔN NGỮ VĂN

I. MÔN NGỮ VĂN CHUYÊN

1. Cấu trúc, hình thức, nội dung

1.1. *Cấu trúc*: Gồm 2 phần

a) *Phần 1. Đọc hiểu*: Chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm).

b) *Phần 2. Viết*: Chiếm 80% tổng điểm (16/20 điểm).

1.2. *Hình thức*: Tự luận

1.3. *Nội dung*

- Phần 1. Đọc hiểu

+ Ngữ liệu đọc hiểu là 01 văn bản/đoạn văn bản thuộc thể loại thơ hoặc truyện của văn học Việt Nam, nằm ngoài sách giáo khoa phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn lớp 9.

+ Trả lời 5 câu đọc hiểu gồm các mức độ: Biết, Hiểu, Vận dụng.

- Phần 2. Viết

+ Nghị luận xã hội (6,0 điểm): Yêu cầu viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ) về vấn đề có tính thời sự hoặc vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

+ Nghị luận văn học (10,0 điểm): Từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu, viết bài văn nghị luận văn học theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn lớp 9.

2. Thời gian và cấp độ tư duy

2.1. *Thời gian làm bài*: Dự kiến 150 phút.

2.2. *Cấp độ tư duy*: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

II. MÔN NGỮ VĂN KHÔNG CHUYÊN

1. Cấu trúc, hình thức, nội dung

1.1. *Cấu trúc*: Gồm 2 phần

a) *Phần 1. Đọc hiểu*: Chiếm 40% tổng điểm (4/10 điểm).

b) *Phần 2. Viết*: Chiếm 60% tổng điểm (6/10 điểm).

1.2. *Hình thức*: Tự luận

1.3. *Nội dung*

- Phần 1. Đọc hiểu

+ Ngữ liệu đọc hiểu là 01 văn bản/đoạn văn bản thuộc kiểu văn bản văn học (thể loại thơ hoặc truyện) nằm ngoài sách giáo khoa phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn lớp 9.

+ Trả lời 5 câu đọc hiểu gồm các mức độ: Biết, Hiểu, Vận dụng.

- Phần 2. Viết

+ Nghị luận văn học (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích một khía cạnh/chi tiết/hình ảnh ... từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Nghị luận xã hội (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.

2. Thời gian và cấp độ tư duy

2.1. *Thời gian*: Dự kiến 120 phút.

2.2. *Cấp độ tư duy*: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

C. MÔN TIẾNG ANH

I. MÔN TIẾNG ANH CHUYÊN

1. Cấu trúc

	Task types	CEFR
SECTION I: LISTENING (5.0 points)		
Part 1	Listen to a text. For each question, write the correct answer in the gap. Write one or two words or a number or a date or a time.	B1
Part 2	Listen to a text. For each question, choose the correct answer A, B or C.	B1
Part 3	Listen to five short texts, each with a different speaker, choose the option that matches what each speaker says	B2
SECTION II: USE OF ENGLISH (4.5 points)		
Part 1	MCQs. Choose the best answer (A,B,C or D) (Word choice/ Collocation/ Idiom/ Phrasal verbs/...)	B1
Part 2	Write the correct FORM of each bracketed word in the numbered boxes	B1+
Part 3	For each question, read the text below and look carefully at each line. Some of the lines are correct, and some have a word which should not be there. If a line is correct, put a tick (✓) by the number on the separate answer box. If a line has a word which should not be there, write the word on the separate answer box.	B2
SECTION III: READING (6.5 points)		
Part 1	Read the text and decide which answer (A, B, C or D) best fits each gap.	B1+
Part 2	Read the text. For each question, choose the answer (A, B, C or D) which you think fits best according to the text.	B1+
Part 3	Reading the passage. Choose the correct heading for each paragraph from the list of headings below.	B2
Part 4	Read the article. Six sentences have been removed from the article. Choose from the sentences A-G the one which fits each gap.	B2
SECTION IV: WRITING (4.0 points)		
Part 1	Finish the second sentence in such a way that it means exactly the same as the first one.	B1
Part 2	Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence, using the word given. Do not change the	B2

	word given. You must use between two and five words, including the word given.	
Part 3	<p>One of these three types</p> <ul style="list-style-type: none"> - Read the email. Write your answer in about 120 words on the answer sheet. - You see the announcement on an English-language website. Write your article in about 120 words. - Your English teacher has asked you to write a story. Your story must begin/end with this sentence “.....”. <p>Write your story in about 120 words</p>	B1

2. Thời gian và cấp độ tư duy

2.1. *Thời gian*: Dự kiến 150 phút.

2.2. *Cấp độ tư duy*: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

II. MÔN TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN

1. **Nội dung**: Chương trình GDPT 2018 môn tiếng Anh cấp THCS

2. **Hình thức**: Đề ra theo hình thức trắc nghiệm 04 lựa chọn (A, B, C và D)

3. **Số lượng câu hỏi**: 50 câu

4. **Thời gian**: 60 phút

5. **Cấp độ tư duy**: Biết: 50%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 20%

D. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
(Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Vật lí, chuyên Hóa học,
chuyên Sinh học)

I. CẤU TRÚC, HÌNH THỨC, NỘI DUNG ĐỀ THI

1. Cấu trúc: Đề thi gồm hai phần với tổng 20 điểm

a) *Phần chung:* Chiếm 20% tổng điểm (4/20 điểm)

b) *Phần riêng:* Chiếm 80% tổng điểm (16/20 điểm)

2. Nội dung và hình thức

2.1. *Phần chung:* Gồm 16 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn theo Chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 9 Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

2.2. *Phần riêng:*

a) *Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Vật lí:* Gồm các bài tập **Tự luận** chủ đề Vật lí Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 8 và lớp 9. Cụ thể:

- Lớp 8: chiếm 30% số điểm toàn bài (6/20 điểm).

+ Chủ đề Khối lượng riêng và áp suất.

+ Chủ đề Nhiệt.

- Lớp 9: chiếm 50% số điểm toàn bài (10/20 điểm).

+ Chủ đề Năng lượng cơ học.

+ Chủ đề Ánh sáng.

+ Chủ đề Điện.

b) *Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Hóa học:* Gồm các bài tập **Tự luận** chủ đề Hóa học Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 8 và lớp 9. Cụ thể:

- Lớp 8: chiếm 30% số điểm toàn bài (6/20 điểm)

+ Chủ đề Phản ứng hoá học.

+ Chủ đề Tốc độ phản ứng và chất xúc tác.

+ Chủ đề Acid-Base-pH-Oxide-Muối.

+ Chủ đề Phân bón hoá học.

- Lớp 9: chiếm 50% số điểm toàn bài (10/20 điểm)

+ Chủ đề Kim loại.

+ Chủ đề Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại.

+ Chủ đề Giới thiệu về chất hữu cơ Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu.

+ Chủ đề Ethylic alcohol, acetic acid; Lipid (lipit)-Carbohydrate (Cacbohidrat)-Protein Polymer (Polime).

+ Chủ đề Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái đất.

c) *Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Sinh học:* Gồm các bài tập **Tự luận** chủ đề Sinh học Chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 8 và lớp 9. Cụ thể:

- Lớp 8: chiếm 30% số điểm toàn bài (6/20 điểm).

+ Chủ đề Môi trường và các nhân tố sinh thái, hệ sinh thái.

- + Chủ đề bảo vệ môi trường.
- Lớp 9: chiếm 50% số điểm toàn bài (10/20 điểm).
- + Chủ đề Mendel và khái niệm nhân tố di truyền (gene).
- + Chủ đề từ gene đến protein.
- + Chủ đề Nhiễm sắc thể.
- + Chủ đề Di truyền nhiễm sắc thể.
- + Chủ đề Di truyền học người.

II. THỜI GIAN, CẤP ĐỘ TƯ DUY

1. Thời gian: Dự kiến 150 phút

2. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30% và Vận dụng: 50%.

E. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
(Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Lịch sử)

I. CẤU TRÚC, HÌNH THỨC, NỘI DUNG ĐỀ THI

1. Cấu trúc: Đề thi gồm hai phần với tổng 20 điểm

a) *Phần Lịch sử thế giới:* chiếm 40% tổng điểm (8/20 điểm)

b) *Phần Lịch sử Việt Nam:* chiếm 60% tổng điểm (12/20 điểm).

2. Hình thức: Tự luận

3. Nội dung:

Nội dung thuộc lớp 9 – Phân môn Lịch sử (*Chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*). Cụ thể:

a) *Phần Lịch sử thế giới:*

- Tình hình thế giới từ năm 1918 đến năm 1945.

- Tình hình thế giới từ năm 1945 đến năm 1991.

b) *Phần Lịch sử Việt Nam:*

- Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945.

- Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991.

- Việt Nam từ 1991 đến nay.

II. THỜI GIAN VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

1. Thời gian: Dự kiến 150 phút

2. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

E. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ **(Dành cho học sinh thi vào lớp 10 chuyên Địa lí)**

I. CẤU TRÚC, HÌNH THỨC, NỘI DUNG ĐỀ THI

1. Cấu trúc: Đề thi gồm hai phần với tổng 20 điểm

a) *Phần Địa lí tự nhiên Việt Nam:* chiếm 40% tổng điểm (8/20 điểm)

b) *Phần Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam:* chiếm 60% tổng điểm (12/20 điểm).

2. Hình thức: Tự luận

3. Nội dung:

Nội dung chủ yếu thuộc lớp 8 và lớp 9 – Phân môn Địa lí (*Chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*). Cụ thể:

a) *Chương trình lớp 8: Địa lí tự nhiên Việt Nam*

- Vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ; đặc điểm chung tự nhiên và các thành phần tự nhiên Việt Nam.

- Sự phân hoá của thiên nhiên Việt Nam

b) *Chương trình lớp 9: Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*

- Địa lí dân cư.

- Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam.

- Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam.

* **Lưu ý:** Phần kỹ năng, năng lực Địa lí được lồng ghép trong các nội dung trên tập trung vào các kỹ năng chủ yếu: số liệu thống kê, vẽ và nhận xét biểu đồ và một số kỹ năng tính toán khác. Phần này chiếm tỉ lệ khoảng 40% tổng số điểm.

II. THỜI GIAN VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

1. Thời gian: Dự kiến 150 phút

2. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

F. MÔN TIN HỌC

I. CẤU TRÚC, HÌNH THỨC, NỘI DUNG

1. Cấu trúc

Câu	Chủ đề	Mức độ	Dạng bài tập	Điểm (tỉ lệ%)
1	Lý thuyết cơ bản	Biết	Bài toán lập trình trên máy tính	4 điểm (20%)
2	Lý thuyết cơ bản	Hiểu	Bài toán lập trình trên máy tính	6 điểm (30%)
3	Giải thuật và cấu trúc dữ liệu	Vận dụng	Bài toán lập trình trên máy tính	5 điểm (25%)
4	Giải thuật và cấu trúc dữ liệu	Vận dụng	Bài toán lập trình trên máy tính	5 điểm (25%)

2. Hình thức: Lập trình (viết code)

- Thực hành trên máy tính.
- Thí sinh thực hiện các bài tập lập trình hoặc giải quyết vấn đề trong môi trường lập trình Python hoặc C++.

3. Nội dung

3.1. *Lý thuyết cơ bản*: Kiểm tra kiến thức lý thuyết về các khái niệm cơ bản trong các Chuyên đề của Môn Tin học thuộc Chương trình cấp THCS, cụ thể:

- Các khái niệm cơ bản về lập trình (*biến, kiểu dữ liệu, cấu trúc điều khiển, hàm, lớp đối tượng, v.v...*).

- Các kỹ thuật lập trình (*Linh canh, Cờ hiệu, Ánh xạ gương, Lùa bò vô chuồng, Tổng tiền tố, Cấp số cộng, Cấp số nhân,...*)

- Cấu trúc dữ liệu (*danh sách, mảng, xâu ký tự, set, dict, v.v...*).

- Thuật toán (*quét cạn, tìm kiếm, sắp xếp, v.v...*).

3.2. *Lập trình*: Kiểm tra khả năng lập trình của thí sinh, bao gồm:

- Viết mã nguồn giải quyết bài toán cụ thể.

- Sửa lỗi chương trình.

- Tinh chỉnh hoặc tối ưu hóa mã nguồn.

3.3. *Giải thuật và cấu trúc dữ liệu*: Phần này tập trung vào việc áp dụng giải thuật và cấu trúc dữ liệu vào các bài toán cụ thể:

- Thiết kế và phân tích giải thuật (*Hai con trỏ, tìm kiếm nhị phân, quay lui, quy hoạch động*).

- Thực hiện các bài toán liên quan đến cấu trúc dữ liệu có sẵn trong thư viện, v.v...

Lưu ý:

- Các câu bài tập ở mức độ Biết và Hiểu: bao gồm các đơn vị kiến thức của các chủ đề với các yêu cầu cần đạt ở mức cơ bản với các thuật toán ở phần Lý thuyết cơ

bản trong phần cấu trúc, kiến thức, nội dung đề thi ở trên.

- Các câu bài tập ở mức độ Vận dụng: bao gồm các đơn vị kiến thức của các chủ đề với các yêu cầu cần đạt ở mức chuyên sâu với các thuật toán ở phần giải thuật và cấu trúc dữ liệu trong phần cấu trúc, kiến thức, nội dung đề thi ở trên.

- Tư duy logic và toán học: Phần này kiểm tra khả năng tư duy logic và ứng dụng toán học trong Tin học. Các câu hỏi có thể yêu cầu:

+ Giải các bài toán logic hoặc toán học liên quan đến lập trình.

+ Phân tích và giải quyết các bài toán có tính chất tư duy cao.

II. THỜI GIAN, CẤP ĐỘ NHẬN THỨC

1. Thời gian: Dự kiến 150 phút

2. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

G. MÔN TIẾNG PHÁP

I. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Partie I: Compréhension orale (5.0 points) (Delf A2)

- Questions à choix multiples (QCMs)
- Associer des informations
- Texte à trous
- Vrai / Faux

2. Partie II: Connaissances De Langue (5.0 points)

- Questions à choix multiples (QCMs)
- Vocabulaire : Synonymes / Antonymes
- Grammaire: Modes et temps/ Voix passive / Discours indirect/ Famille de mots (préfixes, suffixes) / Connecteurs logiques

3. Partie III: Compréhension Ecrite (5.0 points) (Delf A1-A2)

- Questions-Réponses et QCMs
- Texte à trous
- Vrai / Faux/ Justifications
- Reformulation des informations

4. PARTIE IV: Expression écrite (5.0 points)

- Rédaction d'un texte narratif ou d'un texte descriptif, au moins 150 mots.
- *Répartition de niveau de cognition:*

II. THỜI GIAN VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

1. Thời gian: Dự kiến 150 phút

2. Cấp độ tư duy: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%
